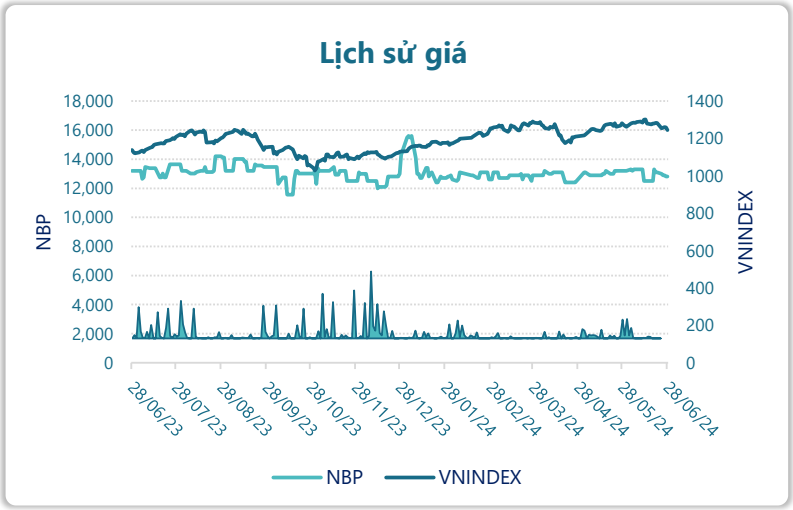
FireAnt

CTCP Nhiệt điện Ninh Bình (HNX: NBP)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,561
SL cổ phiếu LH	12,865,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,270
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	165
P/E	-24.1
EPS	-531

DT thuần

Q2/24

415

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 49.0| 13.3%

YoY: ▲ 55.0| 15.1%

LN sau thuế

Q2/24

-0.53

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.56| -126%

YoY: ▼21.6| -103%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

0.1%

+/- YoY: ▼ 7.1%

DT thuần

6T 2024

780

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 388| 99.3%

LN sau thuế

6T 2024

1.50

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.7| -90.7%

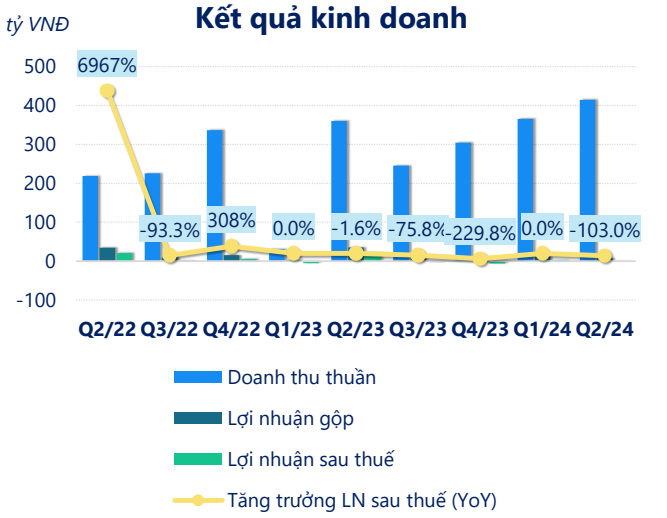
ROE

Q2/24

-2.6%

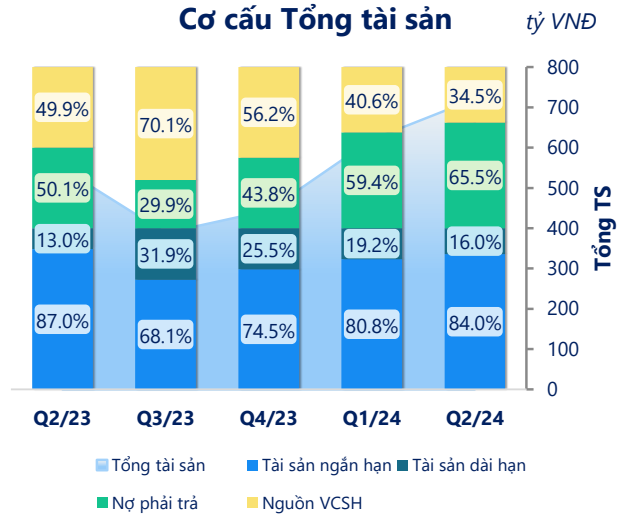
+/- YoY: ▼ 10.9%

Kết quả kinh doanh



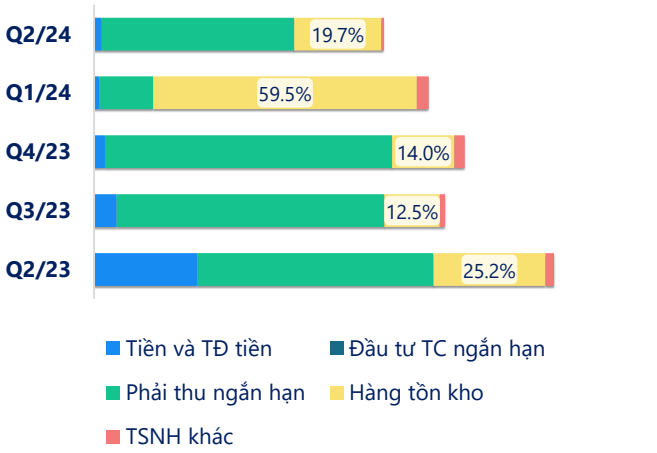
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



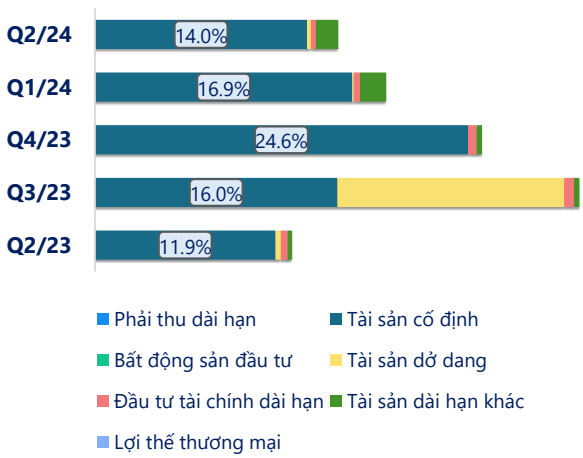
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



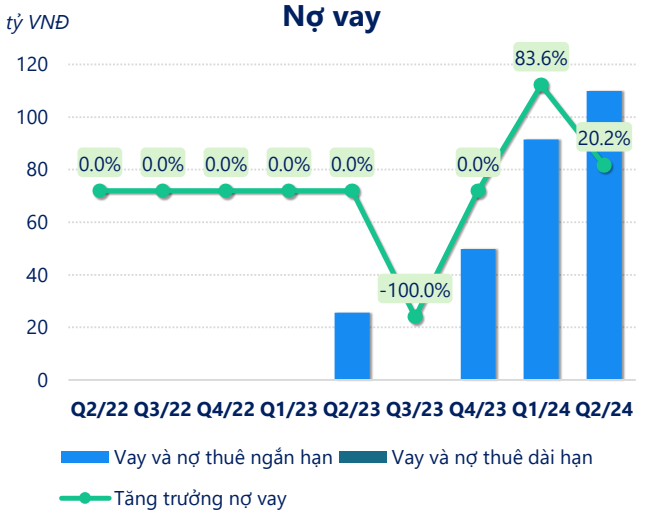
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



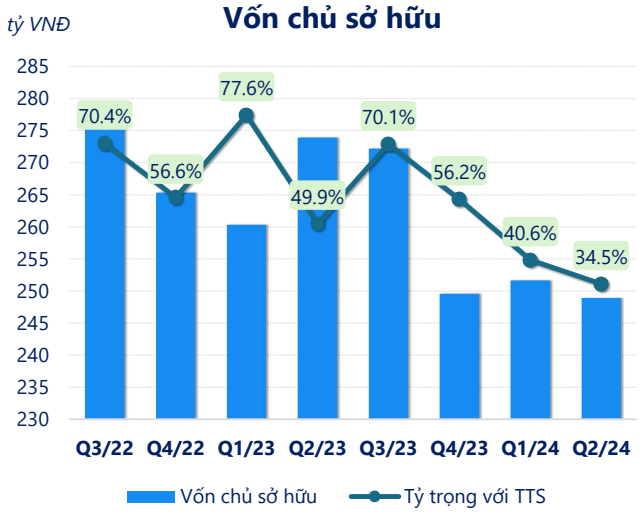
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



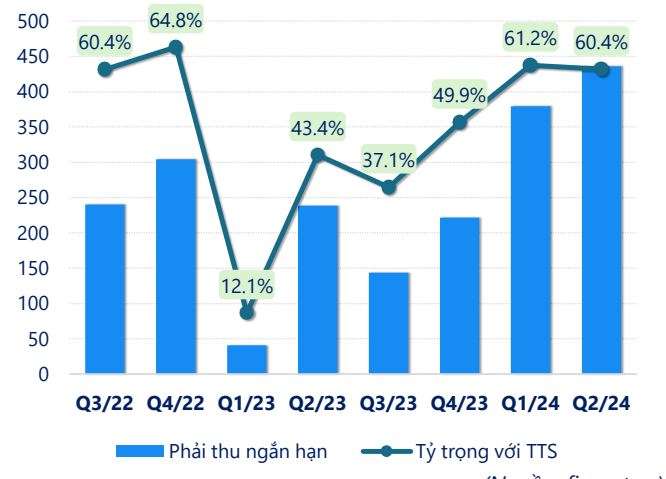
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



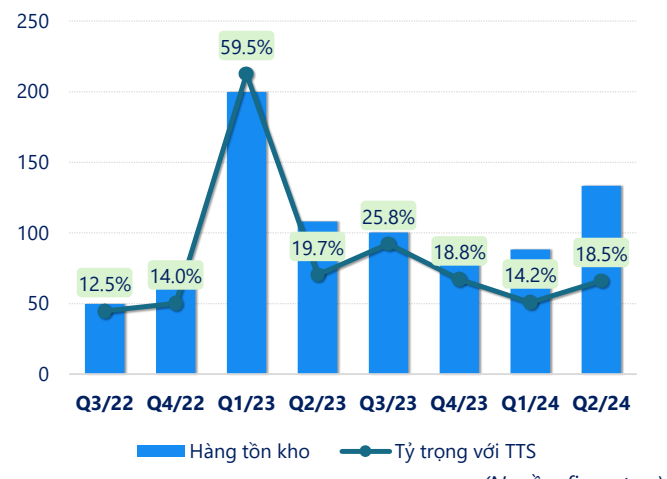
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



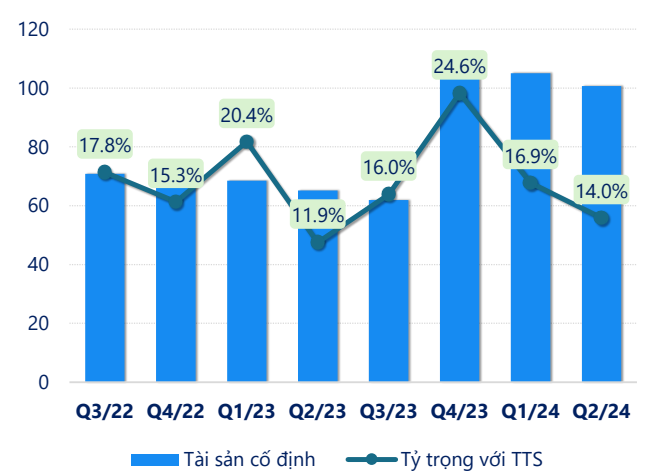
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



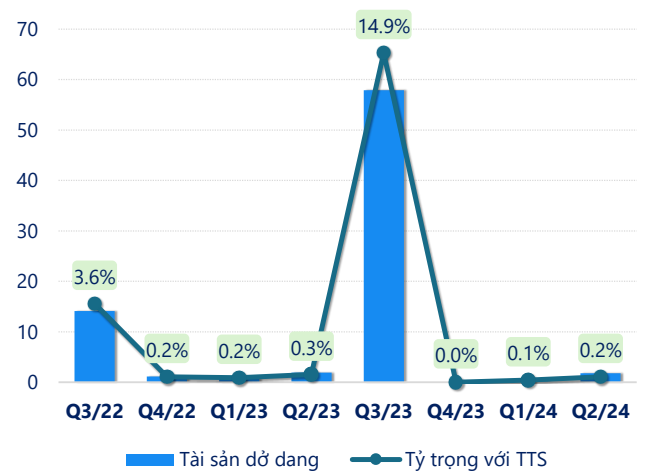
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



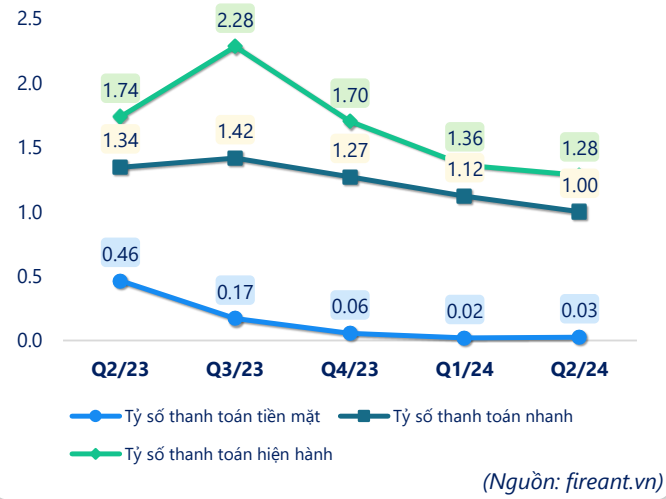
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



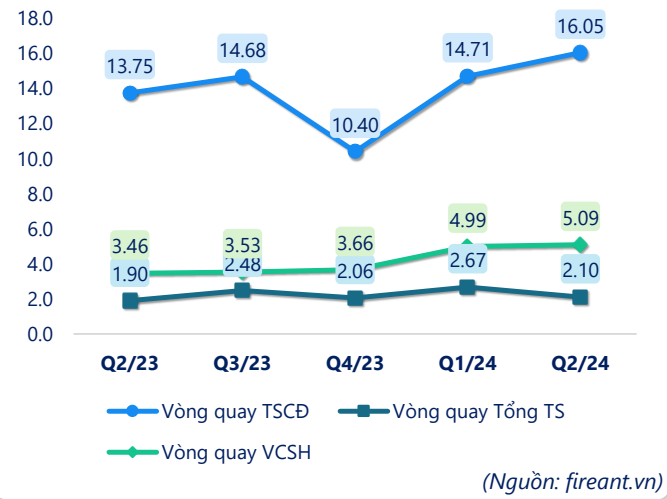
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**549**	**388**	**444**	**620**	**721**
Tài sản ngắn hạn	**477**	**264**	**331**	**501**	**605**
Tiền và tương đương tiền	127	19.8	10.8	7.45	12.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	238	144	222	379	436
Hàng tồn kho	108	100	83.6	88.2	133
Tài sản ngắn hạn khác	3.51	0.49	15.0	25.9	24.1
Tài sản dài hạn	**71.2**	**124**	**113**	**119**	**116**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	65.2	61.9	109	105	101
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.91	57.9	0	0.59	1.79
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	2.50	2.50	2.50
Tài sản dài hạn khác	1.62	1.39	1.61	10.8	10.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**275**	**116**	**195**	**368**	**472**
Nợ ngắn hạn	**275**	**116**	**195**	**368**	**472**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	25.6	0	49.8	91.5	110
Phải trả người bán ngắn hạn	218	79.0	131	259	343
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**274**	**272**	**250**	**252**	**249**
Vốn chủ sở hữu	**274**	**272**	**250**	**252**	**249**
Vốn điều lệ	129	129	129	129	129
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)